

Số: 182 /TTr-UBND

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 12 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê chuẩn Kế hoạch đầu tư công năm 2019 tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 43/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 145/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Văn bản số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2019;

Trên cơ sở tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2018 và mục

tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn Kế hoạch đầu tư công năm 2019 như sau:

I. Về nguồn vốn

Tổng nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý năm 2019 là 7.997.339 triệu đồng¹, bao gồm:

1. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: 5.461.760 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 1.449.760 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 4.000.000 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 12.000 triệu đồng.

2. Vốn ngân sách Trung ương: 2.535.579 triệu đồng

2.1. Vốn trong nước: 2.067.325 triệu đồng

- Vốn các chương trình MTQG: 1.202.945 triệu đồng.
- Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu: 673.180 triệu đồng.
- Vốn trái phiếu Chính phủ: 191.200 triệu đồng.

2.2. Vốn nước ngoài: 468.254 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo).

II. Về định hướng ưu tiên đầu tư và nguyên tắc bố trí vốn trong Kế hoạch đầu tư công năm 2019

1. Lĩnh vực ưu tiên đầu tư

Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 và tình hình thực tế; năm 2019 dự kiến sẽ ưu tiên đầu tư đối với các chương trình, dự án thuộc các lĩnh vực sau:

- Các dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm cho cả nhiệm kỳ đã được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII thông qua.

- Hạ tầng Khu kinh tế, KCN, cụm CN, hạ tầng đến các dự án sản xuất kinh doanh quy mô lớn.

- Các tuyến đường tỉnh lộ, kết nối các tỉnh lộ, quốc lộ, liên vùng, liên huyện và liên xã.

- Các công trình cấp bách, các công trình khắc phục hậu quả do mưa lũ; các công trình đã có ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

- Trụ sở các cơ quan đảng, đoàn thể, công sở xã.

2. Nguyên tắc phân bổ

Việc phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2019 thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu

¹ Tăng 1.200 tỷ đồng của nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất so với thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018.

tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh, các Quyết định số 4878/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016, số 2213/QĐ-UBND ngày 27/6/2017, số 3486/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017, số 4313/QĐ-UBND ngày 10/11/2017, số 598/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh) và theo Văn bản số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể như sau:

a) Kế hoạch đầu tư công năm 2019 phải góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020. Gắn việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2019 với việc thực hiện khâu đột phá về phát triển nhanh và đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra.

b) Thực hiện theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn và các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định: số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015, số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 và các văn bản pháp luật khác có liên quan, Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

c) Việc phân bổ vốn phải thực hiện theo đúng Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28/8/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

d) Các dự án dự kiến bố trí kế hoạch năm 2019 phải có danh mục trong kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo hồ sơ, thủ tục theo quy định; dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp phải có trong kế hoạch đầu tư công hàng năm của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Mức vốn bố trí của từng dự án đảm bảo dự án nhóm B không quá 5 năm, dự án nhóm C không quá 3 năm và hoàn thành dứt điểm theo từng hạng mục công trình.

3. Tiêu chí, thứ tự ưu tiên bố trí vốn

3.1. Đối với vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí:

a) Bố trí cho Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 Đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn nước ngoài; xử lý các vấn đề phát sinh trong kế hoạch năm 2019; bố trí cho các dự án đầu tư xây dựng trụ sở xã theo Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh; bố trí cho các dự án ODA từ nguồn Chính phủ vay về cho tỉnh vay lại.

b) Số vốn còn lại bố trí theo thứ tự ưu tiên sau:

- Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt: Bố trí đảm bảo 100% phần vốn ngân sách tỉnh còn thiếu trong kế hoạch năm 2019.

- Dự án hoàn thành nhưng chưa có quyết toán (Gồm dự án đã hoàn thành và dự án dự kiến hoàn thành trước ngày 31/12/2018): Bố trí 80% phần vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ; phần còn lại sẽ thanh toán sau khi có quyết toán được duyệt và cân đối được nguồn vốn.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2019: Bố trí 70% phần vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ. Riêng một số dự án mà hạn mức trung hạn giai đoạn 2019 - 2020 thấp, đã bố trí vốn nhiều năm và cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, sớm hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2019, thì dự kiến kế hoạch năm 2019 sẽ bố trí hết số vốn còn lại của kế hoạch trung hạn.

- Dự án hoàn thành sau năm 2019: Bố trí theo tiến độ thực hiện và khả năng cân đối vốn, đảm bảo dự án nhóm C bố trí vốn không quá 03 năm, dự án nhóm B bố trí vốn không quá 05 năm (Trừ một số dự án có nhu cầu vốn quá lớn so với khả năng cân đối vốn, dự án phải điều chỉnh tổng mức đầu tư nhiều lần trong quá trình thực hiện).

- Số vốn còn lại bố trí để khởi công mới đối với các dự án đã có đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định và chuẩn bị đầu tư dự án thực sự quan trọng, cấp bách.

3.2. Đối với vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất:

- Vốn điều tiết về ngân sách tỉnh: Ưu tiên bố trí vốn để trả nợ vay Ngân hàng Phát triển; bổ sung cho Quỹ phát triển đất; chi đo đạc, lập bản đồ, địa giới hành chính; bố trí trả nợ gốc vốn vay của các dự án ODA; thanh toán nợ cho Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 Đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyên giao (BT).

- Vốn điều tiết về ngân sách huyện, xã: Bố trí đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách huyện, xã theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018; trong đó, ưu tiên bố trí để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn thành các dự án đang thực hiện.

3.3. Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Phân bổ toàn bộ cho dự án đảm bảo hồ sơ, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công, trong đó ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo và dạy nghề theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018.

III. Phương án bố trí kế hoạch các nguồn vốn năm 2019

1. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: 5.461.760 triệu đồng

1.1. Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 4.000.000 triệu đồng, gồm:

a) Vốn điều tiết về ngân sách tỉnh: 500.000 triệu đồng, trong đó:

- Bố trí trả nợ Ngân hàng phát triển: 69.750 triệu đồng.

- Bổ trí bổ sung Quỹ phát triển đất tỉnh: 30.000 triệu đồng.
- Bổ trí chi đo đạc, lập bản đồ địa chính, địa giới hành chính: 25.000 triệu đồng.
- Bổ trí trả nợ gốc vốn vay của các dự án ODA: 24.603 triệu đồng.
- Bổ trí vốn để thanh toán nợ cho Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 Đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT): 350.647 triệu đồng.

b) Vốn điều tiết về ngân sách huyện, xã: 3.500.000 triệu đồng.

1.2. Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 1.449.760 triệu đồng, gồm:

- Bổ trí vốn cho Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 Đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT): 150.000 triệu đồng (Để hoàn trả số vốn đã ứng trước kế hoạch).

- Bổ trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA: 30.000 triệu đồng.

- Bổ trí cho các dự án ODA từ nguồn Chính phủ vay về cho tỉnh vay lại: 84.000 triệu đồng.

- Bổ trí vốn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019: 43.000 triệu đồng.

- Bổ trí vốn để thực hiện Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh về đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Mặt trận tổ quốc, khối đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện và công sở xã trên địa bàn tỉnh: 80.000 triệu đồng.

- Thực hiện dự án: 1.062.760 triệu đồng, trong đó:

- + Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt: 109.460 triệu đồng.

- + Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt: 48.450 triệu đồng.

- + Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019: 200.774 triệu đồng.

- + Dự án hoàn thành sau năm 2019: 479.476 triệu đồng.

- + Dự án khởi công mới năm 2019: 223.600 triệu đồng (13 dự án, trong đó, có 11 dự án đã được giao kế hoạch vào cuối năm 2018).

- + Dự án chuẩn bị đầu tư: 1.000 triệu đồng.

1.3. Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 12.000 triệu đồng.

(Chi tiết danh mục, mức vốn của các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh có Phụ lục 2 kèm theo).

2. Vốn ngân sách Trung ương: 2.535.579 triệu đồng.

UBND tỉnh đã có Tờ trình về phương án phân bổ kế hoạch cho các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương năm 2019.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Đối với nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh

Sau khi HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh sẽ có quyết định phê duyệt kế

hoạch và giao kế hoạch chi tiết cho từng dự án (Danh mục, mức vốn, mục tiêu đầu tư) để các các ngành, đơn vị và các chủ đầu tư triển khai thực hiện theo quy định.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách Trung ương (Bao gồm: Vốn các Chương trình mục tiêu, vốn TPCP, các chương trình MTQG, vốn nước ngoài)

Sau khi có Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh sẽ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi có quyết định giao kế hoạch chi tiết cho từng chương trình, dự án (Danh mục, mức vốn và mục tiêu đầu tư) để các đơn vị liên quan và các chủ đầu tư triển khai thực hiện theo quy định.

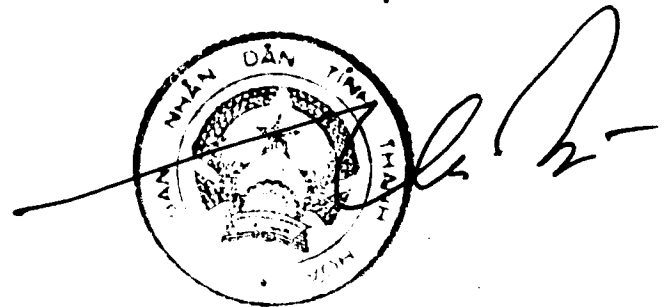
3. Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cấp, các ngành, các chủ đầu tư khẩn trương triển khai thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và quản lý sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả để hoàn thành mục tiêu Kế hoạch đầu tư công năm 2019; định kỳ báo cáo HĐND tỉnh theo quy định.

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê chuẩn Kế hoạch đầu tư công năm 2019 để UBND tỉnh có cơ sở triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH (02).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

A circular official seal of the Provincial People's Committee is stamped over a handwritten signature. The seal features a central emblem and the text 'ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH' around the perimeter. The signature is written in black ink over the seal.

Nguyễn Đình Xứng

Phụ lục 1: TỔNG HỢP VỀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 DO TÍNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số 182 /TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Nguồn vốn/chương trình	Kế hoạch vốn năm 2019		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước kế hoạch	
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	7.997.339	139.590	
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH	5.461.760		
I	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí	1.449.760		Chi tiết có Phụ lục 2.
II	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	4.000.000		Chi tiết có Phụ lục 2.
III	Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	12.000		Chi tiết có Phụ lục 2.
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.535.579	139.590	
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.067.325	139.590	
1	Các chương trình mục tiêu Quốc gia	1.202.945		
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	559.445		
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	643.500		
2	Các chương trình mục tiêu	673.180	139.590	
-	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng	299.080	89.689	
-	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững	21.000		
-	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	18.000	3.000	
-	Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	111.796	22.200	
-	Chương trình mục tiêu Đầu tư hạ tầng Khu kinh tế ven biển, Khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	122.901	24.701	
-	Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội.	12.522		
-	Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương	20.631		
-	Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa	7.000		
-	Chương trình mục tiêu Phát triển hạ tầng du lịch	29.250		
-	Chương trình mục tiêu Quốc phòng, an ninh trên địa bàn	31.000		
3	Vốn trái phiếu Chính phủ	191.200		
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	468.254		

Phụ lục 2: KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2019
(Kèm theo Tờ trình số 182 /TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ								5.461.760		
A	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT¹								4.000.000		
I	Vốn điều tiết về ngân sách tỉnh								500.000		
1	Trả nợ Ngân hàng phát triển.								69.750		
2	Bổ trí bổ sung cho Quỹ phát triển đất tỉnh.								30.000		
3	Bổ trí chi đo đạc, lập bản đồ địa chính, địa giới hành chính.								25.000		
4	Bổ trí trả nợ gốc vốn vay các dự án ODA.								24.603		
5	Bổ trí vốn cho Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn I đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT).	2118/QĐ-UBND ngày 07/7/2014	4.335.373	4.335.373	641.000	641.000	3.694.373	3.694.373	350.647		
II	Vốn điều tiết về ngân sách huyện, xã								3.500.000		
B	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT								12.000		Giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi có quyết định giao kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định.
C	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ		15.494.744	11.494.373	5.040.329	3.590.245	10.454.415	7.904.128	1.449.760		
I	Bổ trí vốn cho Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn I đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT)	2118/QĐ-UBND ngày 07/7/2014	4.335.373	4.335.373	641.000	641.000	3.694.373	3.694.373	150.000		Giao UBND tỉnh có quyết định giao kế hoạch chi tiết theo quy định.
II	Bổ trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA trên địa bàn tỉnh								30.000		Giao UBND tỉnh trên cơ sở tiến độ thực hiện dự án, xây dựng kế hoạch chi tiết, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi có quyết định giao kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định.
III	Bổ trí cho các dự án ODA từ nguồn Chính phủ vay về cho tỉnh vay lại								84.000		Giao UBND tỉnh trên cơ sở tiến độ thực hiện dự án và kế hoạch vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, xây dựng kế hoạch chi tiết, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi có quyết định giao kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định.
IV	Bổ trí vốn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 và một số dự án cấp bách								43.000		Căn cứ tình hình thực tế và tiến độ chuẩn bị hồ sơ, thủ tục, giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi có quyết định giao kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định.
1	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (GD 2).										
2	Giải phóng mặt bằng Dự án Điều chỉnh, mở rộng Khu di tích lịch sử Phù Trịnh, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.										

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	Đường giao thông từ ngã ba Voi (thành phố Thanh Hóa) đi TP. Sầm Sơn.										
4	Xử lý cho các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019.										
V	Bố trí vốn để thực hiện Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh về đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Mặt trận tổ quốc, khối đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện và công sở xã trên địa bàn tỉnh								80.000		Giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi có quyết định giao kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định.
VI	Bố trí vốn thực hiện dự án		11.159.371	7.159.000	4.399.329	2.949.245	6.760.042	4.209.755	1.062.760		Căn cứ tình hình thực tế, giao UBND tỉnh có quyết định giao kế hoạch chi tiết (Danh mục, mức vốn, mục tiêu đầu tư) đến từng dự án để triển khai thực hiện theo quy định.
VI.1	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt		657.530	326.868	484.212	217.408	173.318	109.460	109.460		
1	Trạm bảo vệ thực vật thành phố Thanh Hóa.	429/QĐ-UBND ngày 09/02/2017	4.028	4.028	3.930	3.930	98	98	98	Chi cục bảo vệ thực vật Thanh Hóa	
2	Nâng cấp, cải tạo đường Đồng Cỏ (đoạn từ đường Hàm Long đến Thiên Viện Trúc Lâm Hàm Rồng), phường Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa.	8200/QĐ-UBND ngày 04/10/2018	9.908	9.908	9.500	9.500	408	408	408	Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng	
3	Trung tâm y tế huyện Tĩnh Gia.	3264/QĐ-UBND ngày 28/8/2018	18.648	18.648	15.600	15.600	3.048	3.048	3.048	Sở Y tế	
4	Công sở xã Thiệu Văn, huyện Thiệu Hóa.	2434/QĐ-UBND ngày 27/6/2018	7.494	5.405	6.281	4.500	1.213	905	905	UBND xã Thiệu Văn	
5	Đường từ Tỉnh lộ 7 đến đường gom Khu công nghiệp Bim Sơn, thị xã Bim Sơn.	3468/QĐ-UBND ngày 14/9/2018	86.945	29.820	72.367	18.100	14.578	11.720	11.720	UBND thị xã Bim Sơn	
6	Cầu Đông Phát, nối khu chung cư Đông Phát với khu dân cư phường Đông Vệ, đường Đông Tây, thành phố Thanh Hóa.	2963/QĐ-UBND ngày 06/8/2018	10.792	10.792	8.668	8.668	2.124	2.124	2.124	UBND thành phố Thanh Hóa	
7	Trạm bảo vệ thực vật huyện Mường Lát.	3708/QĐ-UBND ngày 27/9/2018	4.121	4.121	3.600	3.600	521	521	521	Sở Nông nghiệp và PTNT	
8	Công sở xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân.	1059/QĐ-UBND ngày 14/5/2018	5.646	5.056	4.260	3.960	1.386	1.096	1.096	UBND xã Thọ Lập	
9	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Yên Định.	5055/QĐ-UBND ngày 27/12/2017	11.328	7.325	6.650	5.850	4.678	1.475	1.475	Huyện ủy Yên Định	
10	Đường CH -01.	355/QĐ-UBND ngày 24/01/2018	36.005	36.005	35.200	35.200	805	805	805	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
11	Đầu tư xây dựng hợp khối Trung tâm dịch vụ kỹ thuật - Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng và Trung tâm thông tin - Ứng dụng - Chuyển giao khoa học và công nghệ.	2715/QĐ-UBND ngày 18/7/2018	68.502	65.466	46.290	46.290	22.212	19.176	19.176	Sở Khoa học và Công nghệ	
12	Trung tâm hội nghị huyện Quan Sơn.	3945/QĐ-UBND ngày 11/10/2018	23.235	20.081	15.500	15.500	7.735	4.581	4.581	UBND huyện Quan Sơn	
13	Đê tả sông Đura xã Thiệu Toàn, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa.	3725/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	103.226	23.226	31.000		72.226	23.226	23.226	UBND huyện Thiệu Hóa	
14	Trung tâm chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí khu vực miền núi Thanh Hóa.	3121/QĐ-UBND ngày 17/8/2018	71.398	11.166	60.232		11.166	11.166	11.166	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
15	Công sở xã Tân Thành, huyện Thường Xuân.	4302/QĐ-UBND ngày 01/11/2018	7.458	7.458	6.310	6.310	1.148	1.148	1.148	UBND xã Tân Thành	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
16	Tuyến đường chính và đường xương cá thị trấn Quan Hóa, huyện Quan Hóa.	4269/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	26.617	18.650	22.273	14.600	4.344	4.050	4.050	UBND huyện Quan Hóa	
17	Sửa chữa, cải tạo xây dựng phòng họp trực tuyến và một số hạng mục thuộc trụ sở cơ quan Tỉnh ủy.	4267/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	10.394	10.394	7.000	7.000	3.394	3.394	3.394	Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa	
18	Khu hội nghị huyện Như Xuân.	4476/QĐ-UBND ngày 12/11/2018	18.431	11.360	14.556	9.200	3.875	2.160	2.160	UBND huyện Như Xuân	
19	Vườn hoa và tượng nữ anh hùng liệt sỹ Nguyễn Thị Lợi, thị xã Sầm Sơn.	4604/QĐ-UBND ngày 19/11/2018	11.039	11.039	9.600	9.600	1.439	1.439	1.439	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
20	Cầu Bãi Cỏ, xã Giao An, huyện Lang Chánh.	4570/QĐ-UBND ngày 15/11/2018	38.482	11.167	27.315		11.167	11.167	11.167	UBND huyện Lang Chánh	
21	Củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông, huyện Nga Sơn (Hạng mục Tuyến đê biển số 01 đoạn từ C87A - C113 và một số chi phí khác).	5123/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	83.833	5.753	78.080		5.753	5.753	5.753	Sở Nông nghiệp và PTNT	
VI.2	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt		817.770	455.332	586.309	331.500	231.461	123.832	48.450		
1	Doanh trại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.	3735/QĐ-BTL ngày 22/9/2014	193.487	96.893	185.094	88.500	8.393	8.393	4.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
2	Nhà làm việc trung tâm Cảnh sát PCCC tỉnh Thanh Hóa.	252/QĐ-H41-H45 ngày 30/10/2015	129.922	19.500	90.000	10.000	39.922	9.500	6.500	Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Thanh Hóa (Nay thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa)	
3	Tòa nhà báo Thanh Hóa và Trung tâm báo chí TP. Thanh Hóa.	3519/QĐ-UBND ngày 26/10/2012; 3831/QĐ-UBND ngày 09/10/2017	80.055	80.055	63.300	63.300	16.755	16.755	750	Báo Thanh Hóa	
4	Công sở và Hội trường văn hóa đa năng xã Ba Đình, huyện Nga Sơn.	4468/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 5095/QĐ-UBND ngày 28/12/2017	18.509	7.500	5.500	5.500	13.009	2.000	500	UBND xã Ba Đình, huyện Nga Sơn	
5	Cầu qua sông Hoàng, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương.	4201/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	53.031	52.548	37.000	37.000	16.031	15.548	5.000	UBND huyện Quảng Xương	
6	Đường giao thông cầu Kê - Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân.	43/QĐ-UBND ngày 07/01/2009; 2292/QĐ-UBND ngày 22/6/2015	232.893	91.284	134.215	56.000	98.678	35.284	17.000	UBND huyện Thọ Xuân	
7	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.	4142/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.931	14.931	7.700	7.700	7.231	7.231	4.200	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
8	Cải tạo trụ sở liên cơ quan Hội cựu chiến binh, Tỉnh đoàn, Hội nông dân tỉnh và đầu tư mua sắm trang thiết bị làm việc cơ quan Hội cựu chiến binh tỉnh.	1785/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	14.982	14.982	10.500	10.500	4.482	4.482	1.500	Ban Chấp hành Hội cựu chiến binh tỉnh Thanh Hóa	
9	Nâng cấp, cải tạo đường từ Tỉnh lộ 514 (xã Minh Dân) đi Tỉnh lộ 517 (xã Đông Lợi), huyện Triệu Sơn.	4322/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	79.960	77.639	53.000	53.000	26.960	24.639	9.000	UBND huyện Triệu Sơn	
VI.3	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2019		2.299.870	1.902.204	1.431.215	1.287.907	868.655	614.297	200.774		
1	Đường giao thông từ QL1A vào Nhà máy xi măng Long Sơn và KCN phía Đông thị xã Bỉm Sơn.	4339/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 4190/QĐ-UBND ngày 02/11/2017	181.086	176.100	75.000	75.000	106.086	101.100	50.000	UBND thị xã Bỉm Sơn	
2	Trung tâm dịch vụ du lịch hỗ trợ phát huy giá trị cụm di tích xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	1608/QĐ-UBND ngày 12/5/2016	45.947	38.000	25.700	25.700	20.247	12.300	900	UBND huyện Vĩnh Lộc	
3	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Thành.	1700/QĐ-UBND ngày 8/6/2009; 874/QĐ-UBND ngày 30/3/2012	94.166	27.541	75.325	8.700	18.841	18.841	4.667	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	
4	Hoàn chỉnh nội thất, đồ thờ Đền thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sỹ Hàm Rồng.	2417/QĐ-UBND ngày 01/8/2014; 3102/QĐ-UBND ngày 18/8/2015; 1761/QĐ-UBND ngày 14/5/2018	75.267	51.545	44.506	22.000	30.761	29.545	5.877	Sở Xây dựng	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lấy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5	Trung tâm Truyền hình - Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo tỉnh Thanh Hóa.	1195/QĐ-UBND ngày 18/4/2011; 1874/QĐ-UBND ngày 05/6/2013; 4140/QĐ-UBND ngày 25/10/2016; 1500/QĐ-UBND ngày 09/5/2017	495.310	495.310	369.400	369.400	125.910	125.910	20.000	Sở Xây dựng	
6	Nâng cấp, cải tạo đường liên xã Sơn Lư - Tam Lư, huyện Quan Sơn.	4366/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; 1076/QĐ-UBND ngày 29/3/2018	48.662	48.662	29.400	29.400	19.262	19.262	6.600	UBND huyện Quan Sơn	
7	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nội từ Đường tỉnh 526 với Quốc lộ 10, huyện Hậu Lộc.	686/QĐ-UBND ngày 07/3/2017	22.998	21.000	14.000	14.000	8.998	7.000	700	UBND huyện Hậu Lộc	
8	Xây dựng Khoa nội A và Trung tâm huyết học - truyền máu Bệnh viện Đa khoa tỉnh.	4252/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	124.451	124.451	41.000	41.000	83.451	83.451	46.000	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	
9	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng, đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đông Thăng, huyện Triệu Sơn.	2901/QĐ-UBND ngày 03/8/2016	53.972	53.972	37.000	37.000	16.972	16.972	780	UBND huyện Triệu Sơn	
10	Trung tu, tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường xã Thọ Lập huyện Thọ Xuân.	2453/QĐ-UBND ngày 11/7/2017	34.965	34.965	14.050	14.050	20.915	20.915	10.000	UBND huyện Thọ Xuân	
11	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích lịch sử cách mạng Hàm Hạ xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn.	1996/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 3272/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	26.110	26.110	14.050	14.050	12.060	12.060	1.250	UBND huyện Đông Sơn	
12	Mở rộng Khu tái định cư Nam đường Hồ Tùng Mậu, phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn.	162/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 15/8/2017	22.145	17.500	10.000	10.000	12.145	7.500	2.200	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
13	Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa.	1056/QĐ-UBND ngày 28/3/2016; 681/QĐ-UBND ngày 06/3/2017	699.868	604.168	527.898	491.482	171.970	112.686	30.000	Sở Y tế	
14	Nâng cấp trạm bơm tiêu Quang Hoa, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân.	4359/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	84.981	82.881	48.125	48.125	36.856	34.756	9.800	UBND huyện Thọ Xuân	
15	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phủ từ, trưng bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan Di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	4363/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	289.942	100.000	105.761	88.000	184.181	12.000	12.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
VI.4	Dự án hoàn thành sau năm 2019		6.076.818	3.327.590	1.810.793	1.025.630	4.266.025	2.301.960	479.476		
1	Đai lộ Đông - Tây thành phố Thanh Hóa, đoạn từ thị trấn Rừng Thông đến Quốc lộ 1A.	2016/QĐ-UBND ngày 10/6/2016; 3224/QĐ-UBND ngày 27/8/2018	1.283.327	300.000	60.319	60.319	1.223.008	239.681	70.000	Sở Giao thông Vận tải	
2	Đường từ Quốc lộ 1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn, thuộc tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn.	352/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 29/9/2016; 172/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 28/8/2017	1.479.095	200.000	617.000	25.000	862.095	175.000	25.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
3	Hạ tầng kỹ thuật Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt TP. Thanh Hóa và các vùng phụ cận (Giai đoạn I).	3992/QĐ-UBND ngày 08/11/2010; 1900/QĐ-UBND ngày 19/6/2014; 816/QĐ-UBND ngày 17/3/2017; 4643/QĐ-UBND ngày 22/11/2018	221.117	207.504	118.900	118.900	102.217	88.604	9.200	Công ty TNHH môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa (nay là Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị)	
4	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa.	3041/QĐ-UBND ngày 27/8/2010; 777/QĐ-UBND ngày 02/3/2018	125.830	125.830	46.009	46.009	79.821	79.821	25.000	Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa	
5	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ QL45 đi xã Định Tăng, huyện Yên Định.	3171/QĐ-UBND ngày 23/8/2016	79.490	79.490	28.000	28.000	51.490	51.490	15.000	UBND huyện Yên Định	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6	Đường giao thông từ QL1A vào khu du lịch nghỉ mát biển Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia.	166/QĐ-UBND ngày 15/01/2007; 1353/QĐ-UBND ngày 07/5/2009; 2848/QĐ-UBND ngày 24/8/2009; 4452/QĐ-UBND ngày 21/11/2017	99.879	60.000	49.112	12.000	50.767	48.000	18.000	UBND huyện Tĩnh Gia	
7	Nâng cấp, cải tạo đường Mỹ Tân - Cao Ngọc - Văn An, huyện Ngọc Lặc nối tiếp với xã Giao Thiên, huyện Lang Chánh.	4225/QĐ-UBND ngày 21/10/2015; 2020/QĐ-UBND ngày 13/6/2016	119.976	117.476	60.000	60.000	59.976	57.476	18.000	UBND huyện Ngọc Lặc	
8	Hệ thống đường giao thông xã Mường Chanh, huyện Mường Lát.	4158/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	114.590	50.000	26.000	18.000	88.590	32.000	11.000	UBND huyện Mường Lát	
9	Cải dịch sông Tuấn Cung - KKT Nghi Sơn.	418/QĐ-BQLKKTNS ngày 31/12/2013; 417/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 22/11/2016	107.719	107.719	60.000	60.000	47.719	47.719	12.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
10	Tu bổ, nâng cấp và hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Mâu Khê (đoạn Thiệu Long - Thiệu Duy - Thiệu Hợp), huyện Thiệu Hóa.	3097/QĐ-UBND ngày 23/8/2017; 1162/QĐ-UBND ngày 05/4/2018	94.216	92.724	21.150	21.150	73.066	71.574	13.850	UBND huyện Thiệu Hóa	
11	Cải tạo, nâng cấp hồ Bai Cái, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành.	2810/QĐ-UBND ngày 15/8/2017	80.026	77.026	28.150	28.150	51.876	48.876	23.000	UBND huyện Thạch Thành	
12	Đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL 217 với QL 45 huyện Vĩnh Lộc.	4272/QĐ-UBND ngày 02/12/2009; 648/QĐ-UBND ngày 25/02/2015; 2252/QĐ-UBND ngày 28/6/2016	149.778	137.888	77.957	65.747	71.821	72.141	20.000	UBND huyện Vĩnh Lộc	
13	Đường giao thông đến Khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa.	3808/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	135.877	89.813	58.000	34.000	77.877	55.813	15.000	UBND huyện Hoằng Hóa	
14	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn.	4321/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 408/QĐ-UBND ngày 29/01/2018	159.894	151.276	59.517	59.517	100.377	91.759	10.000	UBND thành phố Sầm Sơn	
15	Nâng cấp, cải tạo đường nối QL1A với QL 10 (đoạn từ Đại Lộc đến Liên Lộc), huyện Hậu Lộc.	4323/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	145.966	140.298	65.000	65.000	80.966	75.298	15.000	UBND huyện Hậu Lộc	
16	Đường trục chính đô thị, thị trấn Đông Sơn (Kết nối QL45, 47).	4398/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	153.021	134.831	51.000	51.000	102.021	83.831	23.000	UBND huyện Đông Sơn	
17	Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lâu, huyện Yên Định.	4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	199.998	60.000	18.138	18.138	181.860	41.862	15.000	UBND huyện Yên Định	
18	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 514 đoạn từ Cầu Thiệu đi Cầu Nhôm, xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn.	5063/QĐ-UBND ngày 27/12/2017	134.990	134.990	21.200	21.200	113.790	113.790	25.000	UBND huyện Triệu Sơn	
19	Tuyến đường bộ ven biển (đoạn nối đường 513 với đường ven biển tỉnh Nghệ An) thuộc KKT Nghi Sơn.	27/QĐ-BQLKKTNS ngày 03/03/2011; 192/QĐ-BQLKKTNS ngày 28/6/2013	324.300	212.459	148.841	37.000	175.459	175.459	5.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
20	Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa.	4122/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	39.682	39.682	22.100	22.100	17.582	17.582	8.426	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
21	Đường giao thông Quảng Bình - Quảng Thái, huyện Quảng Xương.	3418/QĐ-UBND ngày 11/9/2017	126.765	115.000	32.200	32.200	94.565	82.800	20.000	UBND huyện Quảng Xương	
22	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 515 Ba Chè - Thiệu Toán - Hạnh Phúc.	2907/QĐ-UBND ngày 09/8/2017	120.000	120.000	32.000	32.000	88.000	88.000	23.000	Sở Giao thông Vận tải	
23	Đường giao thông Cẩm Bình - Cẩm Thạch - Cẩm Liên - Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy.	3137/QĐ-UBND ngày 24/8/2017	131.697	124.000	32.200	32.200	99.497	91.800	23.000	UBND huyện Cẩm Thủy	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lấy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
24	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom nước thải, nước mưa khu vực phía Tây đường Hồ Xuân Hương, thành phố Sầm Sơn.	1898/QĐ-UBND ngày 06/6/2017	158.682	158.682	53.000	53.000	105.682	105.682	24.000	UBND thành phố Sầm Sơn	
25	Di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ cao trình (+18,50) m đến cao trình (+20,36) m.	4515/QĐ-UBND ngày 24/11/2017	290.903	290.903	25.000	25.000	265.903	265.903	13.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	
VI.5 Dự án khởi công mới năm 2019			1.155.384	1.092.006	86.800	86.800	1.068.584	1.005.206	223.600		
1	Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn (GD 1).	865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018	499.000	499.000	47.900	47.900	451.100	451.100	100.000	Sở Giao thông Vận tải; UBND TP. Thanh Hóa, UBND huyện Đông Sơn, UBND huyện Triệu Sơn	
2	Nâng cấp, cải tạo Đường tỉnh 526B (Hậu Lộc - Quán Dốc).	970/QĐ-UBND ngày 21/3/2018	84.990	84.990	5.600	5.600	79.390	79.390	10.000	Sở Giao thông Vận tải	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông kết nối Quốc lộ 10 (tại ngã tư thị trấn Hậu Lộc) với Đường tỉnh 526 huyện Hậu Lộc.	1613/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	83.989	79.989	5.600	5.600	78.389	74.389	15.000	UBND huyện Hậu Lộc	
4	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ xã Thủy Sơn, huyện Ngọc Lặc đi làng Thung xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh.	1510/QĐ-UBND ngày 26/4/2018	65.000	64.000	4.600	4.600	60.400	59.400	10.000	UBND huyện Ngọc Lặc	
5	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên Thanh Hóa (Phần ngân sách tỉnh đầu tư).	1215-QĐ/TWĐTN ngày 31/8/2016	50.000	10.000	3.000	3.000	47.000	7.000	3.600	Tỉnh đoàn Thanh Hóa	
6	Nâng cấp cải tạo đường tỉnh 515B (ĐT.515B) Thiệu Lý - Đông Hoàng.	952/QĐ-UBND ngày 19/3/2018	39.999	39.999	3.300	3.300	36.699	36.699	10.000	Sở Giao thông Vận tải	
7	Nâng cấp cải tạo đường tỉnh 515C Đu - Thọ Vực.	1002/QĐ-UBND ngày 23/3/2018	39.998	39.998	3.300	3.300	36.698	36.698	10.000	Sở Giao thông Vận tải	
8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối Quốc lộ 45 với Tỉnh lộ 505, huyện Như Thanh.	1027/QĐ-UBND ngày 26/3/2018	49.999	47.999	3.450	3.450	46.549	44.549	10.000	UBND huyện Như Thanh	
9	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Xuân Tín - Quảng Phú, huyện Thọ Xuân.	1443/QĐ-UBND ngày 20/4/2018	25.000	24.900	2.450	2.450	22.550	22.450	10.000	UBND huyện Thọ Xuân	
10	Nâng cấp đường giao thông từ Tỉnh lộ 530 vào cụm công nghiệp Bãi Búi, xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh.	135/QĐ-UBND ngày 11/01/2018	21.999	21.999	2.000	2.000	19.999	19.999	10.000	UBND huyện Lang Chánh	
11	Đường nối Khu công nghiệp Tây Bắc Ga với đường vành đai phía Tây, TP. Thanh Hóa (Từ mốc A2 đến mốc A4).	2053/QĐ-UBND ngày 04/6/2018	59.278	45.000	4.600	4.600	54.678	40.400	10.000	UBND thành phố Thanh Hóa	
12	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn một số hồ đập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	3898/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	59.886	59.886	700	700	59.186	59.186	15.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	
13	Đầu tư xây dựng Trạm bơm tưới xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	3034/QĐ-UBND ngày 10/8/2018	76.246	74.246	300	300	75.946	73.946	10.000	UBND huyện Vĩnh Lộc	
VI.6 Dự án chuẩn bị đầu tư			152.000	55.000			152.000	55.000	1.000		
1	Nâng cấp, cải tạo đường từ Quốc lộ 1A đi Khu du lịch Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa (GD 2).	574/KL-HĐND ngày 01/10/2018	152.000	55.000			152.000	55.000	1.000	UBND huyện Hoằng Hóa	

(1) Ghi chú: Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất hàng năm là vốn đầu tư công (Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 77-2015/NĐ-CP ngày 10/5/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm).

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày tháng 12 năm 2018

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-TTg ngày..... tháng năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 145/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Văn bản số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2019;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê chuẩn Kế hoạch đầu tư công năm 2019; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày..... tháng ... năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh, với những nội dung chủ yếu sau:

Tổng nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: 5.461.760 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức: 1.449.760 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 4.000.000 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 12.000 triệu đồng.

(Chi tiết có các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Thống nhất dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn cho các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương năm 2019 tỉnh Thanh Hóa; cụ thể như sau:

Tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương: 2.535.579 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn trong nước: 2.067.325 triệu đồng.

- Vốn các chương trình MTQG: 1.202.945 triệu đồng.
- Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu: 673.180 triệu đồng.
- Vốn trái phiếu Chính phủ: 191.200 triệu đồng.

b) Vốn nước ngoài: 468.254 triệu đồng.

Đối với nguồn vốn ngân sách Trung ương (bao gồm cả vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu, vốn các chương trình MTQG, vốn nước ngoài): thực hiện theo danh mục và mức vốn tại các Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành để giao kế hoạch cho các ngành, các cấp và các chủ đầu tư thực hiện. Đối với các nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh để sớm giao kế hoạch chi tiết cho các đơn vị theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các quy định

của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch đầu tư công năm 2019.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khoá XVII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày ... tháng 12 năm 2018.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

Phụ lục: KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2019
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TỔNG SỐ											
A	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT¹								5.461.760		
I	Vốn điều tiết về ngân sách tỉnh								4.000.000		
1	Trả nợ Ngân hàng phát triển.								500.000		
2	Bổ trí bổ sung cho Quỹ phát triển đất tỉnh.								69.750		
3	Bổ trí chi đo đạc, lập bản đồ địa chính, địa giới hành chính.								30.000		
4	Bổ trí trả nợ gốc vốn vay các dự án ODA.								25.000		
5	Bổ trí vốn cho Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT).	2118/QĐ-UBND ngày 07/7/2014	4.335.373	4.335.373	641.000	641.000	3.694.373	3.694.373	350.647		
II	Vốn điều tiết về ngân sách huyện, xã										
B	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỐ SỔ KIẾN THIẾT								3.500.000		
									12.000		Giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi có quyết định giao kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định.
C	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ		15.494.744	11.494.373	5.040.329	3.590.245	10.454.415	7.904.128	1.449.760		
I	Bổ trí vốn cho Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT)	2118/QĐ-UBND ngày 07/7/2014	4.335.373	4.335.373	641.000	641.000	3.694.373	3.694.373	150.000		Giao UBND tỉnh có quyết định giao kế hoạch chi tiết theo quy định.
II	Bổ trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA trên địa bàn tỉnh								30.000		Giao UBND tỉnh trên cơ sở tiến độ thực hiện dự án, xây dựng kế hoạch chi tiết, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi có quyết định giao kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định.
III	Bổ trí cho các dự án ODA từ nguồn Chính phủ vay về cho tỉnh vay lại								84.000		Giao UBND tỉnh trên cơ sở tiến độ thực hiện dự án và kế hoạch vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, xây dựng kế hoạch chi tiết, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi có quyết định giao kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định.
IV	Bổ trí vốn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 và một số dự án cấp bách								43.000		Căn cứ tình hình thực tế và tiến độ chuẩn bị hồ sơ, thủ tục, giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi có quyết định giao kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định.
1	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (GD 2).										
2	Giải phóng mặt bằng Dự án Điều chỉnh, mở rộng Khu di tích lịch sử Phú Trịnh, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.										

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bỏ từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	Đường giao thông từ ngã ba Voi (thành phố Thanh Hóa) đi TP. Sầm Sơn.										
4	Xử lý cho các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019.										
V	Bổ trí vốn để thực hiện Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh về đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Mặt trận tổ quốc, khối đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện và công sở xã trên địa bàn tỉnh								80.000		Giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết, trình HĐND tỉnh thông qua trước khi có quyết định giao kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định.
VI	Bổ trí vốn thực hiện dự án		11.159.371	7.159.000	4.399.329	2.949.245	6.760.042	4.209.755	1.062.760		Căn cứ tình hình thực tế, giao UBND tỉnh có quyết định giao kế hoạch chi tiết (Danh mục, mức vốn, mục tiêu đầu tư) đến từng dự án để triển khai thực hiện theo quy định.
VI.1	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt		657.530	326.868	484.212	217.408	173.318	109.460	109.460		
1	Trạm bảo vệ thực vật thành phố Thanh Hóa.	429/QĐ-UBND ngày 09/02/2017	4.028	4.028	3.930	3.930	98	98	98	Chi cục bảo vệ thực vật Thanh Hóa	
2	Nâng cấp, cải tạo đường Đồng Cổ (đoạn từ đường Hàm Long đến Thiên Viện Trúc Lâm Hàm Rồng), phường Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa.	8200/QĐ-UBND ngày 04/10/2018	9.908	9.908	9.500	9.500	408	408	408	Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng	
3	Trung tâm y tế huyện Tĩnh Gia.	3264/QĐ-UBND ngày 28/8/2018	18.648	18.648	15.600	15.600	3.048	3.048	3.048	Sở Y tế	
4	Công sở xã Thiệu Văn, huyện Thiệu Hóa.	2434/QĐ-UBND ngày 27/6/2018	7.494	5.405	6.281	4.500	1.213	905	905	UBND xã Thiệu Văn	
5	Đường từ Tỉnh lộ 7 đến đường gom Khu công nghiệp Bim Sơn, thị xã Bim Sơn.	3468/QĐ-UBND ngày 14/9/2018	86.945	29.820	72.367	18.100	14.578	11.720	11.720	UBND thị xã Bim Sơn	
6	Cầu Đồng Phát, nối khu chung cư Đồng Phát với khu dân cư phường Đông Vệ, đường Đông Tây, thành phố Thanh Hóa.	2963/QĐ-UBND ngày 06/8/2018	10.792	10.792	8.668	8.668	2.124	2.124	2.124	UBND thành phố Thanh Hóa	
7	Trạm bảo vệ thực vật huyện Mường Lát.	3708/QĐ-UBND ngày 27/9/2018	4.121	4.121	3.600	3.600	521	521	521	Sở Nông nghiệp và PTNT	
8	Công sở xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân.	1059/QĐ-UBND ngày 14/5/2018	5.646	5.056	4.260	3.960	1.386	1.096	1.096	UBND xã Thọ Lập	
9	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Yên Định.	5055/QĐ-UBND ngày 27/12/2017	11.328	7.325	6.650	5.850	4.678	1.475	1.475	Huyện ủy Yên Định	
10	Đường CH -01.	355/QĐ-UBND ngày 24/01/2018	36.005	36.005	35.200	35.200	805	805	805	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
11	Đầu tư xây dựng hợp khối Trung tâm dịch vụ kỹ thuật - Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng và Trung tâm thông tin - Ứng dụng - Chuyển giao khoa học và công nghệ.	2715/QĐ-UBND ngày 18/7/2018	68.502	65.466	46.290	46.290	22.212	19.176	19.176	Sở Khoa học và Công nghệ	
12	Trung tâm hội nghị huyện Quan Sơn.	3945/QĐ-UBND ngày 11/10/2018	23.235	20.081	15.500	15.500	7.735	4.581	4.581	UBND huyện Quan Sơn	
13	Đê tá sông Dừa xã Thiệu Toán, Thiệu Chính, Thiệu Hòa, Thiệu Tâm và Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa.	3725/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	103.226	23.226	31.000		72.226	23.226	23.226	UBND huyện Thiệu Hóa	
14	Trung tâm chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và người rối nhiễu tâm trí khu vực miền núi Thanh Hóa.	3121/QĐ-UBND ngày 17/8/2018	71.398	11.166	60.232		11.166	11.166	11.166	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
15	Công sở xã Tân Thành, huyện Thường Xuân.	4302/QĐ-UBND ngày 01/11/2018	7.458	7.458	6.310	6.310	1.148	1.148	1.148	UBND xã Tân Thành	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lấy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
16	Tuyến đường chính và đường xương cá thị trấn Quan Hóa, huyện Quan Hóa.	4269/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	26.617	18.650	22.273	14.600	4.344	4.050	4.050	UBND huyện Quan Hóa	
17	Sửa chữa, cải tạo xây dựng phòng họp trực tuyến và một số hạng mục thuộc trụ sở cơ quan Tỉnh ủy.	4267/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	10.394	10.394	7.000	7.000	3.394	3.394	3.394	Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa	
18	Khu hội nghị huyện Như Xuân.	4476/QĐ-UBND ngày 12/11/2018	18.431	11.360	14.556	9.200	3.875	2.160	2.160	UBND huyện Như Xuân	
19	Vườn hoa và tượng nữ anh hùng liệt sỹ Nguyễn Thị Lợi, thị xã Sầm Sơn.	4604/QĐ-UBND ngày 19/11/2018	11.039	11.039	9.600	9.600	1.439	1.439	1.439	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
20	Cầu Bãi Gỗ, xã Giao An, huyện Lang Chánh.	4570/QĐ-UBND ngày 15/11/2018	38.482	11.167	27.315		11.167	11.167	11.167	UBND huyện Lang Chánh	
21	Củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông, huyện Nga Sơn (Hạng mục Tuyến đê biển số 01 đoạn từ C87A - C13 và một số chi phí khác).	5123/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	83.833	5.753	78.080		5.753	5.753	5.753	Sở Nông nghiệp và PTNT	
VI.2 Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt			817.770	455.332	586.309	331.500	231.461	123.832	48.450		
1	Doanh trại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.	3735/QĐ-BTL ngày 22/9/2014	193.487	96.893	185.094	88.500	8.393	8.393	4.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
2	Nhà làm việc trung tâm Cảnh sát PCCC tỉnh Thanh Hóa.	252/QĐ-H41-H45 ngày 30/10/2015	129.922	19.500	90.000	10.000	39.922	9.500	6.500	Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Thanh Hóa (Nay thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa)	
3	Tòa nhà báo Thanh Hóa và Trung tâm báo chí TP. Thanh Hóa.	3519/QĐ-UBND ngày 26/10/2012; 3831/QĐ-UBND ngày 09/10/2017	80.055	80.055	63.300	63.300	16.755	16.755	750	Báo Thanh Hóa	
4	Công sở và Hội trường văn hóa đa năng xã Ba Đình, huyện Nga Sơn.	4468/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 5095/QĐ-UBND ngày 28/12/2017	18.509	7.500	5.500	5.500	13.009	2.000	500	UBND xã Ba Đình, huyện Nga Sơn	
5	Cầu qua sông Hoàng, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương.	4201/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	53.031	52.548	37.000	37.000	16.031	15.548	5.000	UBND huyện Quảng Xương	
6	Đường giao thông cầu Kê - Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân.	43/QĐ-UBND ngày 07/01/2009; 2292/QĐ-UBND ngày 22/6/2015	232.893	91.284	134.215	56.000	98.678	35.284	17.000	UBND huyện Thọ Xuân	
7	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.	4142/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.931	14.931	7.700	7.700	7.231	7.231	4.200	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
8	Cải tạo trụ sở liên cơ quan Hội cựu chiến binh, Tỉnh đoàn, Hội nông dân tỉnh và đầu tư mua sắm trang thiết bị làm việc cơ quan Hội cựu chiến binh tỉnh.	1785/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	14.982	14.982	10.500	10.500	4.482	4.482	1.500	Ban Chấp hành Hội cựu chiến binh tỉnh Thanh Hóa	
9	Nâng cấp, cải tạo đường từ Tỉnh lộ 514 (xã Minh Dân) đi Tỉnh lộ 517 (xã Đông Lợi), huyện Triệu Sơn.	4322/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	79.960	77.639	53.000	53.000	26.960	24.639	9.000	UBND huyện Triệu Sơn	
VI.3 Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2019			2.299.870	1.902.204	1.431.215	1.287.907	868.653	614.297	200.774		
1	Đường giao thông từ QL1A vào Nhà máy xi măng Long Sơn và KCN phía Đông thị xã Bỉm Sơn.	4339/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 4190/QĐ-UBND ngày 02/11/2017	181.086	176.100	75.000	75.000	106.086	101.100	50.000	UBND thị xã Bỉm Sơn	
2	Trung tâm dịch vụ du lịch hỗ trợ phát huy giá trị cụm di tích xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	1608/QĐ-UBND ngày 12/5/2016	45.947	38.000	25.700	25.700	20.247	12.300	900	UBND huyện Vĩnh Lộc	
3	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Thành.	1700/QĐ-UBND ngày 8/6/2009; 874/QĐ-UBND ngày 30/3/2012	94.166	27.541	75.325	8.700	18.841	18.841	4.667	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	
4	Hoàn chỉnh nội thất, đồ thờ Đền thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sỹ Hàm Rồng.	2417/QĐ-UBND ngày 01/8/2014; 3102/QĐ-UBND ngày 18/8/2015; 1761/QĐ-UBND ngày 14/5/2018	75.267	51.545	44.506	22.000	30.761	29.545	5.877	Sở Xây dựng	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5	Trung tâm Truyền hình - Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo tỉnh Thanh Hoá.	1195/QĐ-UBND ngày 18/4/2011; 1874/QĐ-UBND ngày 05/6/2013; 4140/QĐ-UBND ngày 25/10/2016; 1500/QĐ-UBND ngày 09/5/2017	495.310	495.310	369.400	369.400	125.910	125.910	20.000	Sở Xây dựng	
6	Nâng cấp, cải tạo đường liên xã Sơn Lư - Tam Lư, huyện Quan Sơn.	4366/QĐ-UBND ngày 29/10/2015; 1076/QĐ-UBND ngày 29/3/2018	48.662	48.662	29.400	29.400	19.262	19.262	6.600	UBND huyện Quan Sơn	
7	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nối từ Đường tỉnh 526 với Quốc lộ 10, huyện Hậu Lộc.	686/QĐ-UBND ngày 07/3/2017	22.998	21.000	14.000	14.000	8.998	7.000	700	UBND huyện Hậu Lộc	
8	Xây dựng Khoa nội A và Trung tâm huyết học - truyền máu Bệnh viện Đa khoa tỉnh.	4252/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	124.451	124.451	41.000	41.000	83.451	83.451	46.000	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	
9	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng, đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đông Thăng, huyện Triệu Sơn.	2901/QĐ-UBND ngày 03/8/2016	53.972	53.972	37.000	37.000	16.972	16.972	780	UBND huyện Triệu Sơn	
10	Trùng tu, tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường xã Thọ Lập huyện Thọ Xuân.	2453/QĐ-UBND ngày 11/7/2017	34.965	34.965	14.050	14.050	20.915	20.915	10.000	UBND huyện Thọ Xuân	
11	Tu bổ, tôn tạo cụm di tích lịch sử cách mạng Hàm Hạ xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn.	1996/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 3272/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	26.110	26.110	14.050	14.050	12.060	12.060	1.250	UBND huyện Đông Sơn	
12	Mở rộng Khu tái định cư Nam đường Hồ Tùng Mậu, phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn.	162/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 15/8/2017	22.145	17.500	10.000	10.000	12.145	7.500	2.200	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
13	Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa.	1056/QĐ-UBND ngày 28/3/2016; 681/QĐ-UBND ngày 06/3/2017	699.868	604.168	527.898	491.482	171.970	112.686	30.000	Sở Y tế	
14	Nâng cấp trạm bơm tiêu Quang Hoa, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân.	4359/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	84.981	82.881	48.125	48.125	36.856	34.756	9.800	UBND huyện Thọ Xuân	
15	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phủ từ, trung bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan Di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	4363/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	289.942	100.000	105.761	88.000	184.181	12.000	12.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
VI.4	Dự án hoàn thành sau năm 2019		6.076.818	3.327.590	1.810.793	1.025.630	4.266.025	2.301.960	479.476		
1	Đại lộ Đông - Tây thành phố Thanh Hóa, đoạn từ thị trấn Rừng Thông đến Quốc lộ 1A.	2016/QĐ-UBND ngày 10/6/2016; 3224/QĐ-UBND ngày 27/8/2018	1.283.327	300.000	60.319	60.319	1.223.008	239.681	70.000	Sở Giao thông Vận tải	
2	Đường từ Quốc lộ 1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn, thuộc tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn.	352/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 29/9/2016; 172/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 28/8/2017	1.479.095	200.000	617.000	25.000	862.095	175.000	25.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
3	Hạ tầng kỹ thuật Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt TP. Thanh Hóa và các vùng phụ cận (Giai đoạn I).	3992/QĐ-UBND ngày 08/11/2010; 1900/QĐ-UBND ngày 19/6/2014; 816/QĐ-UBND ngày 17/3/2017; 4643/QĐ-UBND ngày 22/11/2018	221.117	207.504	118.900	118.900	102.217	88.604	9.200	Công ty TNHH một thành viên môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa (nay là Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị)	
4	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa.	3041/QĐ-UBND ngày 27/8/2010; 777/QĐ-UBND ngày 02/3/2018	125.830	125.830	46.009	46.009	79.821	79.821	25.000	Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBT); giá trị quyết toán		Lấy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ QL45 đi xã Định Tăng, huyện Yên Định.	3171/QĐ-UBND ngày 23/8/2016	79.490	79.490	28.000	28.000	51.490	51.490	15.000	UBND huyện Yên Định	
6	Đường giao thông từ QL1A vào khu du lịch nghỉ mát biển Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia.	166/QĐ-UBND ngày 15/01/2007; 1353/QĐ-UBND ngày 07/5/2009; 2848/QĐ-UBND ngày 24/8/2009; 4452/QĐ-UBND ngày 21/11/2017	99.879	60.000	49.112	12.000	50.767	48.000	18.000	UBND huyện Tĩnh Gia	
7	Nâng cấp, cải tạo đường Mỹ Tân - Cao Ngọc - Vân Am, huyện Ngọc Lặc nối tiếp với xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh.	4225/QĐ-UBND ngày 21/10/2015; 2020/QĐ-UBND ngày 13/6/2016	119.976	117.476	60.000	60.000	59.976	57.476	18.000	UBND huyện Ngọc Lặc	
8	Hệ thống đường giao thông xã Mường Chanh, huyện Mường Lát.	4158/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	114.590	50.000	26.000	18.000	88.590	32.000	11.000	UBND huyện Mường Lát	
9	Cải dịch sông Tuấn Cung - KKT Nghi Sơn.	418/QĐ-BQLKKTNS ngày 31/12/2013; 417/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 22/11/2016	107.719	107.719	60.000	60.000	47.719	47.719	12.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
10	Tu bổ, nâng cấp và hoàn thiện mặt cắt đê tá sông Mậu Khê (đoạn Thiệu Long - Thiệu Duy - Thiệu Hợp), huyện Thiệu Hóa.	3097/QĐ-UBND ngày 23/8/2017; 1162/QĐ-UBND ngày 05/4/2018	94.216	92.724	21.150	21.150	73.066	71.574	13.850	UBND huyện Thiệu Hóa	
11	Cải tạo, nâng cấp hồ Bai Cái, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành.	2810/QĐ-UBND ngày 15/8/2017	80.026	77.026	28.150	28.150	51.876	48.876	23.000	UBND huyện Thạch Thành	
12	Đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL 217 với QL 45 huyện Vĩnh Lộc.	4272/QĐ-UBND ngày 02/12/2009; 648/QĐ-UBND ngày 25/02/2015; 2252/QĐ-UBND ngày 28/6/2016	149.778	137.888	77.957	65.747	71.821	72.141	20.000	UBND huyện Vĩnh Lộc	
13	Đường giao thông đến Khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa.	3808/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	135.877	89.813	58.000	34.000	77.877	55.813	15.000	UBND huyện Hoằng Hóa	
14	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn.	4321/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 408/QĐ-UBND ngày 29/01/2018	159.894	151.276	59.517	59.517	100.377	91.759	10.000	UBND thành phố Sầm Sơn	
15	Nâng cấp, cải tạo đường nối QL1A với QL 10 (đoạn từ Đại Lộc đến Liên Lộc), huyện Hậu Lộc.	4323/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	145.966	140.298	65.000	65.000	80.966	75.298	15.000	UBND huyện Hậu Lộc	
16	Đường trục chính đô thị, thị trấn Đông Sơn (Kết nối QL45, 47).	4398/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	153.021	134.831	51.000	51.000	102.021	83.831	23.000	UBND huyện Đông Sơn	
17	Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh Quốc lộ 45 vào cụm công nghiệp phía Tây Bắc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định.	4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	199.998	60.000	18.138	18.138	181.860	41.862	15.000	UBND huyện Yên Định	
18	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 514 đoạn từ Cầu Thiệu đi Cầu Nhôm, xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn.	5063/QĐ-UBND ngày 27/12/2017	134.990	134.990	21.200	21.200	113.790	113.790	25.000	UBND huyện Triệu Sơn	
19	Tuyến đường bộ ven biển (đoạn nối đường 513 với đường ven biển tỉnh Nghệ An) thuộc KKT Nghi Sơn.	27/QĐ-BQLKKTNS ngày 03/03/2011; 192/QĐ-BQLKKTNS ngày 28/6/2013	324.300	212.459	148.841	37.000	175.459	175.459	5.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
20	Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa.	4122/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	39.682	39.682	22.100	22.100	17.582	17.582	8.426	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
21	Đường giao thông Quảng Bình - Quảng Thái, huyện Quảng Xương.	3418/QĐ-UBND ngày 11/9/2017	126.765	115.000	32.200	32.200	94.565	82.800	20.000	UBND huyện Quảng Xương	
22	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 515 Ba Chè - Thiệu Toán - Hạnh Phúc.	2907/QĐ-UBND ngày 09/8/2017	120.000	120.000	32.000	32.000	88.000	88.000	23.000	Sở Giao thông Vận tải	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
23	Đường giao thông Cẩm Bình - Cẩm Thạch - Cẩm Liên - Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy.	3137/QĐ-UBND ngày 24/8/2017	131.697	124.000	32.200	32.200	99.497	91.800	23.000	UBND huyện Cẩm Thủy	
24	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom nước thải, nước mưa khu vực phía Tây đường Hồ Xuân Hương, thành phố Sầm Sơn.	1898/QĐ-UBND ngày 06/6/2017	158.682	158.682	53.000	53.000	105.682	105.682	24.000	UBND thành phố Sầm Sơn	
25	Di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ cao trình (+18,50) m đến cao trình (+20,36) m.	4515/QĐ-UBND ngày 24/11/2017	290.903	290.903	25.000	25.000	265.903	265.903	13.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	
VI.5 Dự án khởi công mới năm 2019			1.155.384	1.092.006	86.800	86.800	1.068.584	1.005.206	223.600		
1	Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn (GD I).	865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018	499.000	499.000	47.900	47.900	451.100	451.100	100.000	Sở Giao thông Vận tải; UBND TP. Thanh Hóa, UBND huyện Đông Sơn, UBND huyện Triệu Sơn	
2	Nâng cấp, cải tạo Đường tỉnh 526B (Hậu Lộc - Quán Dốc).	970/QĐ-UBND ngày 21/3/2018	84.990	84.990	5.600	5.600	79.390	79.390	10.000	Sở Giao thông Vận tải	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông kết nối Quốc lộ 10 (tại ngã tư thị trấn Hậu Lộc) với Đường tỉnh 526 huyện Hậu Lộc.	1613/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	83.989	79.989	5.600	5.600	78.389	74.389	15.000	UBND huyện Hậu Lộc	
4	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ xã Thủy Sơn, huyện Ngọc Lặc đi làng Thung xã Đông Lương, huyện Lang Chánh.	1510/QĐ-UBND ngày 26/4/2018	65.000	64.000	4.600	4.600	60.400	59.400	10.000	UBND huyện Ngọc Lặc	
5	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên Thanh Hóa (Phần ngân sách tỉnh đầu tư).	1215-QĐ/TWĐTN ngày 31/8/2016	50.000	10.000	3.000	3.000	47.000	7.000	3.600	Tỉnh đoàn Thanh Hóa	
6	Nâng cấp cải tạo đường tỉnh 515B (ĐT.515B) Thiệu Lý - Đông Hoàng.	952/QĐ-UBND ngày 19/3/2018	39.999	39.999	3.300	3.300	36.699	36.699	10.000	Sở Giao thông Vận tải	
7	Nâng cấp cải tạo đường tỉnh 515C Đu - Thọ Vực.	1002/QĐ-UBND ngày 23/3/2018	39.998	39.998	3.300	3.300	36.698	36.698	10.000	Sở Giao thông Vận tải	
8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối Quốc lộ 45 với Tỉnh lộ 505, huyện Như Thanh.	1027/QĐ-UBND ngày 26/3/2018	49.999	47.999	3.450	3.450	46.549	44.549	10.000	UBND huyện Như Thanh	
9	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Xuân Tín - Quảng Phú, huyện Thọ Xuân.	1443/QĐ-UBND ngày 20/4/2018	25.000	24.900	2.450	2.450	22.550	22.450	10.000	UBND huyện Thọ Xuân	
10	Nâng cấp đường giao thông từ Tỉnh lộ 530 vào cụm công nghiệp Bãi Bùn, xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh.	135/QĐ-UBND ngày 11/01/2018	21.999	21.999	2.000	2.000	19.999	19.999	10.000	UBND huyện Lang Chánh	
11	Đường nối Khu công nghiệp Tây Bắc Ga với đường vành đai phía Tây, TP. Thanh Hóa (Từ mốc A2 đến mốc A4).	2053/QĐ-UBND ngày 04/6/2018	59.278	45.000	4.600	4.600	54.678	40.400	10.000	UBND thành phố Thanh Hóa	
12	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn một số hồ đập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	3898/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	59.886	59.886	700	700	59.186	59.186	15.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	
13	Đầu tư xây dựng Trạm bơm tưới xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	3034/QĐ-UBND ngày 10/8/2018	76.246	74.246	300	300	75.946	73.946	10.000	UBND huyện Vĩnh Lộc	
VI.6 Dự án chuẩn bị đầu tư			152.000	55.000			152.000	55.000	1.000		
1	Nâng cấp, cải tạo đường từ Quốc lộ 1A đi Khu du lịch Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa (GD 2).	574/KL-UBND ngày 01/10/2018	152.000	55.000			152.000	55.000	1.000	UBND huyện Hoằng Hóa	

(1) Ghi chú: Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất hàng năm là vốn đầu tư công (Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/5/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm).

Số: 561 /BCTĐ-STP

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2019

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 6498/SKHĐT-TH ngày 29/11/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, Kế hoạch đầu tư công năm 2019. Sau khi nghiên cứu dự thảo, căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Về thẩm quyền ban hành văn bản:

Theo quy định tại Điểm a, Điểm c, Khoản 1, Điều 55 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thì HĐND tỉnh: “quyết định Kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương của cấp mình” và “cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn đầu tư công do cấp trên quản lý”. Do vậy, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2019 trong đó quyết định đối với phần vốn cân đối ngân sách địa phương và cho ý kiến đối với Kế hoạch đầu tư công phần vốn ngân sách trung ương là phù hợp và đúng thẩm quyền.

2. Về nội dung văn bản:

- Theo quy định tại Khoản 1, Điều 55 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 nêu trên thì HĐND tỉnh có thẩm quyền “quyết định Kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương của cấp mình” và “cho ý kiến kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn đầu tư công do cấp trên quản lý”. Tuy nhiên, tại Điều 1 dự thảo văn bản thể hiện cùng thông qua 02 nội dung là chưa phù hợp. Đề nghị cần tách riêng và bố cục thành 02 điều độc lập (01 điều để quyết định đối với phần vốn cân đối ngân sách địa phương và 01 điều để thể hiện ý kiến thống nhất với dự kiến Kế hoạch vốn ngân sách trung ương) cho phù hợp với quy định của pháp luật và dự thảo Nghị quyết về việc thống nhất dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2019.

- Số liệu vốn đầu tư công: Về nguyên tắc, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập, thẩm định tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm 2019 thì Sở Kế hoạch và Đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu này. Do vậy, Sở Tư pháp không có ý kiến về nội dung này.

- Dự thảo thể hiện là có các Phụ lục chi tiết kèm theo dự thảo Nghị quyết, tuy nhiên hồ sơ gửi thẩm định không có các Biểu chi tiết kèm theo này. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm các Phụ lục chi tiết kèm theo dự thảo Nghị quyết cho đầy đủ.

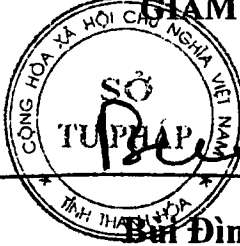
3. Về thể thức và kỹ thuật trình bày:

Dự thảo đã đảm bảo về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Kính chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, XDVB.

GIÁM ĐỐC

Đinh Đình Sơn